

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT

Ngày 15-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hiệu
Ông Đặng Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2023/HNGĐ-ST ngày 17, 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy P, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của: Bị đơn ông Nguyễn Huy P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Nguyễn Huy P tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2014, cấp ngày 10/11/2014. Sống chung một thời gian dài ông bà đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do ông bà bất đồng quan điểm sống, ông P không quan tâm đến gia đình, mình bà làm ăn nuôi con, ông P đánh đập bà, mẹ con bà rất sợ ông P. Hiện nay mặc dù ông bà vẫn sống chung nhà với nhau nhưng đã từ lâu mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải, chung sống không hạnh phúc được nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huy P.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V (giới tính: nữ), sinh ngày 17/5/2015, Nguyễn Khánh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 08/9/2021. Sau ly hôn bà muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi cả hai con chưa thành niên như từ trước đến nay, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: trước đây bà có yêu cầu chia tài sản chung, nay bà rút lại yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc bà đồng ý chịu.

Về nợ chung: bà yêu cầu nợ của mẹ bà là bà Huỳnh Thị K 300.000.000 đồng, phần bà với mẹ bà sẽ trả cho mẹ, phần ông P phải trả 150.000.000 đồng cho mẹ bà và nợ Ngân hàng TMCP C bà yêu cầu chia đôi, ông P phải trả một nửa.

** Bị đơn ông Nguyễn Huy P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2014 như bà T trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn lo cho gia đình con cái, ông xác định hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hòa giải sống chung, ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V (giới tính: nữ), sinh ngày 17/5/2015, Nguyễn Khánh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 08/9/2021. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được nuôi bé gái Nguyễn Thị Tường V, ông đồng ý giao con chung Nguyễn Khánh T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đề nghị giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện của bà T, yêu cầu được chia đôi căn nhà đất tại hẻm I, đường T, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Về nợ chung: ông đồng ý chia đôi nợ chung, khoản nợ của bà K từ lúc mượn đến nay chưa trả được, ông đồng ý trả 150.000.000 đồng cho bà K. Về nợ Ngân hàng TMCP C ông đồng ý chia đôi khoản nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K: Bà thấy mẹ con T sống chung với người chồng, người cha như vậy là quá khổ, ly hôn sớm tốt cho các bên, con gái bà là T, mẹ của 02 con chung với P nếu được nuôi cả 02 con là rất tốt, T có việc làm, có thu nhập và có tình thương yêu các con vô bờ, bé nhỏ T1 cháu ngoại bà còn bị bệnh tim bẩm sinh nữa, T nuôi cả 02 con là rất cực khổ nhưng gia đình bà sẽ hỗ trợ hết mức để T nuôi con, ngoài ra cháu lớn Tường V cũng rất sợ cha nó vì thấy cha đánh mẹ, không muốn gần gũi với cha nó bà cũng rất đau lòng. Năm 2016 vợ chồng T P1 mua đất xây nhà, bà có cho vợ chồng T P1 mượn số tiền là 300.000.000 đồng, khi cho mượn không làm giấy mượn ngay, sau vài tháng có làm giấy mượn tiền để làm tin, vợ chồng T P1 tự viết “Giấy mượn tiền” đưa cho bà xem, hẹn tháng 12/2020 sẽ trả, giấy này bà cất giữ, đến nay vợ chồng T P1 cũng chưa trả cho bà đồng nào. Nay nếu các con ly hôn, bà yêu cầu P1 trả cho bà 150.000.000 đồng, còn con gái bà (Thạo) bà chưa đòi ngay, mẹ con sẽ tự giải quyết khoản nợ này với nhau.

Ý kiến của Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C:

Nếu ông P1, bà T vẫn thuận tình ly hôn và thỏa thuận trả khoản nợ tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 175.083.923 đồng, trong đó nợ gốc 173.600.000 đồng, nợ lãi 1.483.923 đồng cho Ngân hàng TMCP C. Ngân hàng đồng ý chia phân trách nhiệm trả nợ của ông bà trong khối nợ chung với Ngân hàng TMCP C, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T trả nợ cho Ngân hàng TMCP C tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 87.541.961 đồng, trong đó nợ gốc 86.800.000 đồng, nợ lãi 741.961 đồng.

Ông Nguyễn Huy P trả nợ cho Ngân hàng TMCP C tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 87.541.961 đồng, trong đó nợ gốc 86.800.000 đồng, nợ lãi 741.961 đồng.

Nếu ông Nguyễn Huy P hoặc bà Nguyễn Thị T, bất kỳ khi nào không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu các cơ quan có chức năng Thi hành án Dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị T, có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CE 664879, thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6, diện tích 94m, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Kể từ ngày 18/11/2023 ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho vay số: 175408/2017/HĐCV/NHCT600, ký ngày 10/4/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175403/HĐTC, ngày 05/4/2017.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2023/HNGĐ-ST ngày 17, 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147 điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Huy P.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V (giới tính: nữ), sinh ngày 17/5/2015, Nguyễn Khánh T1 (giới tính: nam), sinh ngày 08/9/2021. Giao con chung Nguyễn Khánh T1 chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xét.

Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, bà T không được ngăn cản ông P việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

2.2. Công nhận sự thỏa thuận về nợ chung của ông P bà T như sau:

2.2.1. Với Ngân hàng TMCP C:

- Bà Nguyễn Thị T trả nợ cho Ngân hàng TMCP C tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 87.541.961 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một ngàn chín trăm sáu mươi một đồng) trong đó nợ gốc 86.800.000 đồng, nợ lãi 741.961 đồng.

- Ông Nguyễn Huy P trả nợ cho Ngân hàng TMCP C tạm tính đến ngày 17/11/2023 là 87.541.961 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một ngàn chín trăm sáu mươi một đồng) trong đó nợ gốc 86.800.000 đồng, nợ lãi 741.961 đồng.

Nếu ông Nguyễn Huy P hoặc bà Nguyễn Thị T bất kỳ khi nào không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu các cơ quan có chức năng Thi hành án Dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị T, có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CE 664879,

thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6, diện tích 94m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Kể từ ngày 18/11/2023 ông Nguyễn Huy P, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho vay số. 175408/2017/HĐCV/NHCT600, ký ngày 10/4/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 175403/HĐTC, ngày 05/4/2017.

2.2.2. Công nhận sự thỏa thuận của ông P với bà K về khoản nợ 150.000.000 theo “Giấy mượn tiền” ngày 01/12/2016. Ông Nguyễn Huy P phải trả cho bà Huỳnh Thị K số tiền 150.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tuyên xử:

Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Tường V (giới tính: nữ), sinh ngày 17/5/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Bà Nguyễn Thị T chưa yêu cầu ông Nguyễn Huy P cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Ông Nguyễn Huy P được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện lại yêu cầu này nếu có tranh chấp.

3. Về án phí:

3.1 Về thuận tình ly hôn, nuôi con chung và án phí chia tài sản chung:

Bà T, ông P phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; ngày 10/02/2023 bà T đã nộp 22.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014200 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết

nay chuyển 150.000 đồng sang án phí, trả lại 21.900.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T.

Ông P phải nộp 150.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ về tài sản.

Về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và yêu cầu đo đạc cho phần tài sản tranh chấp đã đình chỉ, bà Nguyễn Thị T phải chịu.

3.2. Về công nhận sự thỏa thuận nợ chung của ông P bà T với Ngân hàng TMCP C:

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. H lại cho Ngân hàng TMCP C tạm ứng án phí đã nộp là 4.603.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015801, ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Ông Nguyễn Huy P phải nộp 4.377.098 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 4.377.098 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Về công nhận sự thỏa thuận nợ của ông Nguyễn Huy P với bà Huỳnh Thị K:

Ông Nguyễn Huy P phải nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2023, bị đơn ông Nguyễn Huy P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được nuôi 01 con chung và không đồng ý nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo mong muốn được nuôi cháu Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021 và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các khoản nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy P là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số

112/2023/HNGĐ-ST ngày 17, 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy P trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con và chia nợ chung với bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung*” là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền giải quyết.

[3] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu chia nợ chung với ông Nguyễn Huy P và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà T và ông P đã thuận tình ly hôn và hòa giải thành với nhau về việc chia khoản nợ chung đối với Ngân hàng TMCP C và khoản nợ chung đối với bà Huỳnh Thị K nên cấp sơ thẩm đã Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T, ông P và Công nhận sự thỏa thuận về nợ chung.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Huy P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021 và không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; đối với quan hệ hôn nhân, nợ chung không kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo đối với phần người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và phần án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021, cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Huy P có con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2015 và Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021. Bà T trình bày muốn trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông P kháng cáo thay đổi lại nội dung thỏa thuận mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến điều kiện nuôi con của các bên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chưa thành niên.

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; *nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

3. *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”*

[4.1] Căn cứ quy định trên, cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2015 (trên 07 tuổi) đã có bản tự khai và văn bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, để mẹ chăm lo cho cháu tốt hơn. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, gần gũi với cháu V từ trước đến nay là bà T và mong muốn sống cùng với bà T, không muốn sống cùng với ông P. Tại Tòa phúc thẩm ông P cũng đồng ý giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu V là phù hợp.

[4.2] Đối với cháu Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021, đến nay cháu Nguyễn Khánh T1 chưa đủ 36 tháng tuổi, bà T và ông P đều xác nhận cháu T1 đang bị bệnh tim bẩm sinh nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Hơn nữa, bà T trình bày đang làm nghề may và kinh doanh hải sản, có thu nhập hàng tháng, có nơi cư trú ổn định nên có đủ điều kiện về vật chất để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao các con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, do bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không buộc ông P cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và đã xem xét điều kiện hoàn cảnh cụ thể, đảm bảo việc gắn kết tình cảm chị em khi cùng chung một người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của các con chung.

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021.

[5] Đối với kháng cáo về việc bị đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ông P và bà T thỏa thuận thành về việc mỗi cá nhân phải có trách nhiệm trả khoản nợ cụ thể đối với khoản nợ chung của vợ chồng thì ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền mà ông P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C và bà Huỳnh Thị K được quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Huy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Huy P không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy P phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy P. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2023/HNGĐ-ST ngày 17, 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 148 Bộ luật tố tụng sự;

- Khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Giao con chung Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2015 và Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 08/9/2021 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Huy P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Huy P phải nộp 4.377.098 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP C và 7.500.000 đồng đối với khoản nợ của bà Huỳnh Thị K. Buộc ông Nguyễn Huy P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với các khoản nợ là 11.877.098 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001073 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/5/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái